TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2018/DS-PT.
Ngày: 30/11/2018.
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Hoàng Thị Thu Hường***;

Các Thẩm phán: Ông ***Lê Lâm Sơn***;

Ông ***Trần Bình Đảo***.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông ***Quách Văn Khánh*** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang***: Ông ***Phan Tân*** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do bản án sơ thẩm số: 123/20187/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2018/QĐPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà ***Lê Thị N***, sinh năm: 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bà ***Lê Thị Ngọc M***, sinh năm: 1960 (có mặt).

Địa chỉ: 167/9 khu vực B, phường A, quận O, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Bà ***Lê Thị C***, sinh năm: 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã E, huyện F, Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông ***Nguyễn Văn G***, sinh năm: 1954 (xin xét xử vắng mặt);

*2. Ông **Lê Bình V*** , sinh năm: 1967 (xin xét xử vắng mặt);

3. Bà ***Lê Thị U***, sinh năm: 1978 (xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã E, huyện F, Kiên Giang.

4. Ông ***Lê Tấn O***, sinh năm: 1968 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện J, Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ngọc M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị N và bà Lê Thị Ngọc M trình bày:

Cụ Lê Văn K (chết 1961) và cụ Võ Thị L (chết 2013) có 03 người con gồm hai bà và bà Lê Thị C, sinh thời hai cụ tạo lập được 12 công đất ruộng tầm 03m và khoảng 04 công đất ở, đất vườn. Trước khi cụ L chết, cụ L có lập di chúc chia 12 công đất ruộng cho mỗi người con 02 công đất ruộng và 01 nền nhà đất ở và đất vườn hiện nay vợ chồng bà C, ông G và ông Lê Bình V trực tiếp sử dụng. Trong đó, vợ chồng bà C, ông G trực tiếp sử dụng 06 công đất ruộng và 1/2 đất ở và đất vườn. Ông Lê Bình V (con của cụ L và chồng sau) sử dụng phần đất còn lại. Diện tích đất vợ chồng bà C sử dụng, trước đây cụ L cho bà C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để cho vợ chồng bà C làm thủ tục vay tiền Ngân hàng.

Nay hai bà yêu cầu vợ chồng bà C, ông G chia cho mỗi bà được sử dụng 02 công đất ruộng và 01 nền nhà thuộc đất ở và đất vườn ngang 4,7m x dài 42,9m. Bà không yêu cầu chia diện tích đất ông V trực tiếp sử dụng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Lê Thị C trình bày:

Về quan hệ nhân thân, về diện tích đất cha mẹ bà để lại như hai nguyên đơn trình bày. Nay bà đồng ý chia cho bà N, bà M mỗi người 1/3 diện tích đất ruộng mà vợ chồng bà đang sử dụng, vị trí từ hậu đất đo vô, ngoài ra bà không đồng ý chia thêm phần đất nào. Nếu theo quy định pháp luật buộc bà phải chia diện tích đất theo yêu cầu bà N, bà M thì bà yêu cầu bà N, bà M phải trả lại cho bà các khoản vợ chồng bà đã đầu tư múc vuông cải tạo đất là 27.000.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn G trình bày:

Đối với yêu cầu của bà N, bà M ông không có ý kiến gì. Nếu theo quy định pháp luật chia diện tích đất nêu trên cho bà N, bà M thì ông yêu cầu bà N, bà M phải trả lại cho ông các khoản vợ chồng ông đầu tư múc vuông cải tạo đất là 27.000.000 đồng. Trong đó, múc vuông 03 lần x 16 công x 370.000 đồng/công, số tiền còn lại là công cải tạo đất từ năm 1977 đến nay, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Ông Lê Bình V trình bày:

Cụ Võ Thị L có 06 người con gồm: Lê Thị N, Lê Thị C, Lê Thị Ngọc M (con của cụ L với cụ H), Lê Tấn O, Lê Thị U và ông (con cụ L với cụ Q). Diện tích đất cụ L tạo lập như nguyên đơn trình bày. Hiện nay ông trực tiếp sử dụng 06 công đất ruộng tầm 03m và 1/2 đất ở, đất vườn, bà Lê Thị C trực tiếp sử dụng phần đất còn lại.

Nay ông không yêu cầu giải quyết gì cho ông, ông xác định khi cụ L viết di chúc để lại thì ông có mặt ở nhà, có nghe thông qua di chúc, khi đó có ông Lê Văn Y, cư trú huyện Z, tỉnh Cà Mau, ông Lê Văn M1, ông Võ Văn M2, cùng cư trú Ấp T, xã E, huyện F, tỉnh Kiên Giang có mặt chứng kiến cụ L lập di chúc để lại cho các con mỗi người là 02 công đất ruộng, chia mỗi người 01 nền nhà, ngang 05m, dài 20m từ mé sông lên. Đối với đơn xin chia đất ngày 10/12/1999 chỉ làm thủ tục cho bà C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà C vay tiền nuôi tôm, số tiền vay nêu trên vợ chồng bà C sử dụng nuôi tôm riêng vợ chồng bà C.

Bà Lê Thị U trình bày:

Về quan hệ nhân thân và di sản cụ L để lại như ông Lê Bình V trình bày. Diện tích đất cụ L cho bà hiện nay ông Lê Bình V đang sử dụng. Nay bà không yêu cầu chia cho bà sử dụng phần nào hết, bà vẫn để cho ông Lê Bình V sử dụng phần đất của cụ L chia cho bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị C giao trả lại cho bà M, bà N sử dụng mỗi người 02 công đất ruộng tầm 03m. Bà xác định khi cụ L viết di chúc thì bà không có mặt ở nhà.

Ông Lê Tấn O trình bày:

Về quan hệ nhân thân và di sản cụ L để lại như ông Lê Bình V trình bày. Diện tích đất cụ L cho ông hiện nay ông V đang sử dụng. Nay ông không yêu cầu chia phần đất nào hết, ông vẫn để cho ông V sử dụng phần đất của cụ L chia cho ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C giao trả cho bà M, bà N mỗi người 02 công đất ruộng tầm 03m. Ông xác định khi cụ L viết di chúc thì ông không có mặt ở nhà. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

*** T**ại Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Bác toàn bộ khởi kiện của bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ngọc M yêu cầu bà Lê Thị C chia thừa kế tài sản quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ngọc M đòi bà Lê Thị C, ông Nguyễn Văn G khôi phục hiện trạng ban đầu, bồi thường tiền các bà không sử dụng được đất.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Lê Thị C chia cho bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ngọc M như sau:

Chia cho bà Lê Thị N và bà Lê Thị Ngọc M mỗi người diện tích đất 2.310m^2.

Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 468846, số tờ bản đồ 1, số thửa 64, 65, diện tích 10.268m^2, vị trí theo biên bản xem xét, thẩm định tại

chỗ ngày 29/6/2015, ngày 11/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện F, tờ trích đo địa chính số: TĐ 210-2015 ngày 17 tháng 8 năm 2015.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, ông Nguyễn Văn G đòi bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ngọc M bồi hoàn tiền đầu tư múc vuông cải tạo đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Đến ngày 13/7/2018 bà Lê Thị N và bà Lê Thị Ngọc M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:**

Bà N, bà M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu bà C phải giao phần đất bờ xáng làm nền nhà cho hai bà mỗi người diện tích 705m^2 (ngang 4,7m x dài 50m), đất tọa lạc tại Ấp T, xã E, huyện F, Kiên Giang.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại thời điểm cụ Võ Thị L lập di chúc năm 2006, thì cụ L không còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì cụ L đã cho bà C đứng tên quyền sử dụng đất năm 2001, khi lập di chúc bà C cũng không ký tên vào di chúc của cụ L, nên di chúc không có hiệu lực để phân chia. Do đó, bà Lê Thị N, Lê Thị Ngọc M kháng cáo yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ L đối với diện tích đất 705m^2 (ngang 4,7m x dài 50m), đất tọa lạc tại Ấp T, xã E, huyện F, Kiên Giang là không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị C chia cho bà Lê Thị N, Lê Thị Ngọc M mỗi người 02 công đất ruộng tầm 03m là phù hợp quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G, ông Lê Bình V, ông Lê Tấn O và bà Lê Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2].Về nội dung: Bà Lê Thị N và Lê Thị Ngọc M yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với quyền sử dụng đất diện tích 10.268m^2, tọa lạc tại Ấp T, xã E, huyện F, Kiên Giang do cụ Võ Thị L chết để lại. Mỗi người nhận 2.310m^2 đất ruộng và 705m^2 đất bờ xáng.

Đối với diện tích đất ruộng bà Lê Thị C đã tự nguyện chia cho bà N và bà M mỗi người 2.310m^2 theo nguyện vọng của cụ Võ Thị L lúc sinh thời là phù hợp quy định pháp luật, nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bà N và bà M yêu cầu chia diện tích đất bờ xáng cho mỗi người là 705m^2 để cất nhờ ở, thấy rằng:

Phần đất bà N, bà M yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, lúc sinh thời cụ Võ Thị L đã chia cho bà C và bà C đã được UBND huyện F cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/2001, với tổng diện tích 10.268m^2, tờ bản đồ số 1, thửa 64, 65, đất tọa lạc tại Ấp T, xã E, huyện F, Kiên Giang. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N và bà M xác định tại thời điểm cụ L chia quyền sử dụng đất cho bà C, các bà đều biết việc này nhưng không tranh chấp.

Đến ngày 02/02/2006, cụ L lập di chúc định đoạt diện tích đất nêu trên cho các con. Tuy nhiên, tại thời điểm năm 2006 cụ L đã không còn quyền sử dụng đất, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật đất đai 2003, nên diện tích đất nêu trên không còn là tài sản của cụ L theo quy định tại tiểu mục 1.1, 1.2 mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, cụ L không thể thực hiện được quyền của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai 2003 là để lại thừa kế. Nên di chúc của cụ L không hợp pháp về nội dung, không có hiệu lực để phân chia. Vì vậy, kháng cáo của bà N, bà M yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với diện tích đất nêu trên là không có căn cứ xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ngọc M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện F, Kiên Giang.

[4]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị N và bà Lê Thị Ngọc M mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch đối với tài sản được chia là 2.772.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp tổng cộng 5.947.300 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị C, ông Nguyễn Văn G 675.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ngọc M không được chấp nhận, nên mỗi người phải chịu án phí thúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

[5]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bà Lê Thị N và bà Lê Thị Ngọc M phải chịu, đã nộp xong.

[6]. Về chi phí giám định: Buộc bà Lê Thị C hoàn trả cho bà Lê Thị N và bà Lê Thị Ngọc M 5.065.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 649, 650, 652, 653, 667, 734 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 106 Luật đất đai 2003; Các Điều 157, 161,165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nghị quyết số: 02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Lê Thị N và bà Lê Thị Ngọc M.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ngọc M yêu cầu bà Lê Thị C chia thừa kế tài sản.

[2]. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ngọc M yêu cầu bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn G khôi phục hiện trạng ban đầu, bồi thường tiền các bà không sử dụng được đất tranh chấp.

[3]. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, ông Nguyễn Văn G yêu cầu bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ngọc M bồi hoàn tiền đầu tư múc vuông cải tạo đất.

[4]. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị C chia cho bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ngọc M như sau:

Chia cho bà Lê Thị N diện tích đất 2.310m^2, vị trí:

- Cạnh 1-4 giáp đất ông Trần Văn T1 chiều ngang hậu đất 15m;
- Cạnh giáp đất ông Lê Bình V (Dân) dài 154m (đo từ cạnh số 4 thẳng về cạnh số 3 lấy 154m);
- Cạnh giáp đất ông Trần Văn T1 dài 154m (đo từ cạnh số 1 thẳng về cạnh số 2 lấy 154m);
- Cạnh giáp đất bà Lê Thị Ngọc M yêu cầu được chia ngang 15m.

Chia cho bà Lê Thị Ngọc M diện tích đất 2.310m^2, vị trí:

- Cạnh giáp đất bà Lê Thị N được chia nêu trên ngang 15m;
- Cạnh giáp đất ông Lê Bình V dài 154m (đo từ vị trí 154m đã chia cho bà N nêu trên đo thẳng về cạnh số 3 lấy 154m là của bà M);
- Cạnh giáp đất ông Trần Văn T1 dài 154m (đo từ vị trí 154m đã chia cho bà N nêu trên đo thẳng về cạnh số 2 lấy 154m là của bà M);
- Cạnh giáp đất bà Lê Thị C ngang 15m.

Diện tích được chia nêu trên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 468846, số tờ bản đồ 1, số thửa 64, 65, diện tích 10.268m^2, tọa lạc tại Ấp T, xã E, huyện F, Kiên Giang. Vị trí theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện F và Tờ trích đo địa chính số: TĐ 210-2015 ngày 17 tháng 8 năm 2015 Văn phòng đăng ký đất đai huyện F.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục tách thửa quyền sử dụng đất được chia theo quy định pháp luật khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc M phải nộp án phí có giá ngạch là 2.772.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 5.097.300 đồng theo biên lai thu tiền số 01977 ngày 27/02/2015; 550.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000422 ngày 27/7/2017; 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000446 ngày 22/9/2017. Tổng cộng 5.947.300 đồng. Bà Lê Thị Ngọc M được nhận lại 3.175.300 (ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm) đồng.

Bà Lê Thị N phải nộp án phí có giá ngạch là 2.772.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 5.097.300 đồng theo biên lai thu tiền số 01978 ngày 28/02/2015; 550.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000421 ngày 27/7/2017; 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000445 ngày 22/9/2017. Tổng cộng 5.947.300 đồng. Bà Lê Thị N được nhận lại 3.175.300 (ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm) đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị C, ông Nguyễn Văn G 675.000 (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000250 ngày 14/3/2017.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008821 ngày 13/7/2018.

Buộc bà Lê Thị Ngọc M phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008820 ngày 13/7/2018.

Tất cả biên lai thu tiền nêu trên đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F, Kiên Giang.

[6]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định gía tài sản: Bà Lê Thị N và bà Lê Thị Ngọc M phải chịu, đã nộp xong.

[7]. Về chi phí giám định: Buộc bà Lê Thị C hoàn trả cho bà Lê Thị N và bà Lê Thị Ngọc M 5.065.000 (năm triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (30/11/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hường

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện F;
- Chi cục THADS huyện F;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.